

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN
THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 – 40



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế Biến Thủỷ Sản Xuất Khẩu Minh Hải (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104034 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 08 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại : 0290 3 828278
- Fax : 0290 3 836921

Hoạt động chính của Công ty: Chế biến, kinh doanh thủy sản xuất khẩu, nội địa; Nuôi tôm, chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Nuôi trồng thủy sản; Nhập nguyên liệu, vật liệu và phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tấn Dương	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Tú Như	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)
Ông Nguyễn Phú Dũng	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)
Ông Huỳnh Hải Triều	Thành viên
Ông Võ Thành Lập	Thành viên
Bà Trần Thị Hân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Hà Thanh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Diễm Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)
Bà Trần Thị Hân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)
Ông Trương Hoàng Phô	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)
Bà Lê Tú Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2018)

LÃM
CÔNG
HỘ NHỊ
KIỂM
CỤ VI
HI
CẤ
AN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tân Dương	Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Dũng	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Hải Triều	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tân Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3 T
M H
T O
C E
H A
T H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Giả định hoạt động liên tục

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 177.997.674.467 VND và Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 385.515.603.052 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng Quản trị phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN TÂN DƯƠNG

Chủ tịch

Cà Mau, ngày 10 tháng 08 năm 2018

2/2
HÀM
4
AM
H
CAN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Minh Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2018, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dẫn đến khoản mục "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" (Mã số 254) trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ đang được thể hiện theo giá gốc. Điều này chưa tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Các tài liệu hiện có tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục nêu trên tăng khoảng 144.260.305.563 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí hoạt động tài chính" sẽ tăng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng 144.260.305.563 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận Kết luận ngoại trừ nêu trên, ở đây chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 9.4 của thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 177.997.674.467 VND và Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 385.515.603.052 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.



TRANG ĐẶC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

LÊ THANH VŨ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2734-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CÀN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.536.456.746	60.727.621.211
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.915.684.944	4.905.158.926
Tiền	111		2.915.684.944	4.905.158.926
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2.1	2.417.425.290	2.219.232.400
Chứng khoán kinh doanh	121		13.092.167.460	13.357.041.460
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(10.674.742.170)	(11.137.809.060)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.394.328.483	12.876.996.204
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.209.629.953	11.367.126.698
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.640.267.122	1.651.418.735
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	9.603.230.692	9.913.750.055
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(10.058.799.284)	(10.055.299.284)
Tài sản thiếu chò xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	27.799.681.432	38.394.245.552
Hàng tồn kho	141		27.799.681.432	38.394.245.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.009.336.597	2.331.988.129
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	281.735.892	262.260.510
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.663.722.241	1.977.524.585
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		63.878.464	92.203.034
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.617.928.585	209.470.531.969
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		12.274.228.299	13.606.599.953
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	11.074.228.299	12.406.599.953
Nguyên giá	222		91.898.613.863	91.220.972.954
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.824.385.564)	(78.814.373.001)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.200.000.000	1.200.000.000
Nguyên giá	228		1.710.190.007	1.710.190.007
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(510.190.007)	(510.190.007)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	192.542.700.000	192.542.700.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		192.445.000.000	192.445.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		97.700.000	97.700.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.801.000.286	3.321.232.016
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	2.801.000.286	3.321.232.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		259.154.385.331	270.198.153.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		437.152.059.798	445.591.024.082
Nợ ngắn hạn	310		437.052.059.798	445.471.024.082
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	36.322.777.520	48.656.233.876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	6.128.444.154	7.410.779.262
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	327.259.838	285.619.926
Phải trả người lao động	314		1.588.503.832	2.065.564.718
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	141.419.040.491	131.591.033.777
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	250.839.554.060	255.060.312.620
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	426.479.903	401.479.903
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		100.000.000	120.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	100.000.000	120.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(177.997.674.467)	(175.392.870.902)
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(177.997.674.467)	(175.392.870.902)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		153.227.230.000	153.227.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		153.227.230.000	153.227.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		97.954.499.200	97.954.499.200
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.502.542.138	1.502.542.138
Cổ phiếu quỹ	415		(2.715.320.000)	(2.715.320.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.912.103.414	6.912.103.414
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(434.878.729.219)	(432.273.925.654)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(432.273.925.654)	(393.753.304.929)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.604.803.565)	(38.520.620.725)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		259.154.385.331	270.198.153.180

TRẦN QUỐC PHONG
Người lập biểu

TRẦN QUỐC PHONG
Kế toán trưởng



NGUYỄN TÂN DƯƠNG

Giám đốc

Cà Mau, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	170.732.424.402	141.109.665.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.040.711.532
Doanh thu thuần	10		170.732.424.402	137.068.954.068
Giá vốn hàng bán	11	6.2	153.507.941.362	127.485.990.515
Lợi nhuận gộp	20		17.224.483.040	9.582.963.553
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	178.733.417	316.300.102
Chi phí tài chính	22	6.4	10.594.127.886	12.970.054.880
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.794.318.120	12.899.177.952
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.571.584.819	4.721.883.159
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.369.657.616	2.931.508.363
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.132.153.864)	(10.724.182.747)
Thu nhập khác	31	6.7	527.860.182	768.919.078
Chi phí khác	32		509.883	6.310.042
Lợi nhuận khác	40		527.350.299	762.609.036
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(173)	(662)


TRẦN QUỐC PHONG
Người lập biểu


TRẦN QUỐC PHONG
Kế toán trưởng



NGUYỄN TÂN DƯƠNG
Giám đốc
Cà Mau, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.010.012.563	2.502.117.283
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(238.736.890)	61.460.299
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		909.188.656	(261.384.011)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.435.453)	(14.205.891)
Chi phí lãi vay	06		9.794.318.120	12.899.177.952
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.850.543.431	5.225.591.921
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.986.309.062)	(16.743.264.715)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.594.564.120	(8.862.487.327)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(14.000.887.878)	21.750.922.202
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		500.756.348	(297.943.714)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		51.779.011	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(36.635.966)	(74.496.744)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		25.000.000	115.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(23.444.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.998.810.004	1.089.877.423
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(677.640.909)	(335.903.821)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.700.442	14.205.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(665.940.467)	(321.697.930)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	7.1 41.396.109.940	61.489.227.880
34	Tiền trả nợ gốc vay	7.2 (46.727.102.940)	(68.027.973.771)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
36	Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(1.650.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(5.330.993.000)	(6.540.395.891)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.998.123.463)	(5.772.216.398)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.905.158.926	6.467.256.954
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	8.649.481	13.561.228
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1 2.915.684.944	708.601.784

Tran Quốc Phong
Người lập biểu

Tran Quốc Phong
Kế toán trưởng



NGUYỄN TÂN DƯƠNG
Giám đốc
Cà Mau, ngày 10 tháng 08 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104034 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 08 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến thủy sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Chế biến, kinh doanh thủy sản xuất khẩu, nội địa; Nuôi tôm, chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Nuôi trồng thủy sản; Nhập nguyên liệu, vật liệu và phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được so sánh với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 177 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 191 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn cứ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

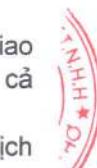
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Thời gian (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	12

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 28 năm đến 40 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Nhân hiệu hàng hóa

Nhân hiệu hàng hóa là toàn bộ các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

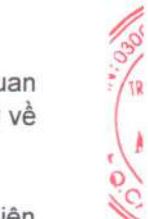
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

SÁCH
CỘI
CHÍNH
KIẾT
VĂN
CHÍ
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

5-0
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHÉ BIỂN
THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
NĂM 2018
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
06 THÁNG
KẾT THÚC VÀO NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2018
Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thủỷ Sản Safe and Fresh	Cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thủỷ Sản Kiên Giang	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ		
- VND	53.351.683	207.093.947
- USD	45.983.479	45.471.883
- EUR	174.690.367	177.738.700
- KRW	1.654.740	1.707.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	279.406.793	227.680.644
- USD	2.352.987.496	4.237.855.556
- EUR	7.610.386	7.610.386
	2.915.684.944	4.905.158.926

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ VND	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
- USD	2.012,00	45.983.479
- EUR	6.575,92	174.690.367
- KRW	87.000,00	1.654.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	102.738,66	2.352.987.496
- EUR	280,89	7.610.386
	2.360.597.882	

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế Biến			
Thủy Sản Xuất Khẩu Cà Mau			
Tại ngày 01/01/2018	13.357.041.460	2.219.232.400	(11.137.809.060)
Tại ngày 30/06/2018	13.092.167.460	2.417.425.290	(10.674.742.170)

Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Cà Mau dựa trên cơ sở giá đóng cửa Sở dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (Hose) và số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018. Khoản đầu tư này được dùng bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Số dư ngày 01 tháng 01	(11.137.809.060)	(11.087.371.960)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	(50.437.100)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	242.236.890	-
Nhượng bán chứng khoán kinh doanh	220.830.000	-
Số dư ngày 30 tháng 06	<u>(10.674.742.170)</u>	<u>(11.137.809.060)</u>

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy Sản Kiên Giang	192.445.000.000	(*)	192.445.000.000	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	97.700.000	(*)	97.700.000	(*)
	<u>192.542.700.000</u>		<u>192.542.700.000</u>	

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Thủy Sản Kiên Giang: hoạt động chính là chế biến thủy sản, vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 301.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 14.987.000 cổ phần, chiếm 49,79% vốn điều lệ.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 Công ty chưa trích lập dự phòng tồn thắt cho khoản đầu tư này với số tiền ước tính khoảng 144.260.305.563 VND. Khoản đầu tư này được dùng đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các khách hàng khác		
V-Star Seafood, Inc.	7.469.527.152	6.312.339.623
MK Seafood Co.,Ltd	2.143.020.000	2.287.261.140
Golden Seafood	1.319.452.868	1.319.452.868
Haewoo Seafood Co., Ltd	3.341.163.000	-
Các khách hàng khác	936.466.933	1.448.073.067
	<u>15.209.629.953</u>	<u>11.367.126.698</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán khác		
Ông Châu Minh Khải	831.909.723	831.909.723
Hiệp hội chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	374.630.424	283.690.424
Các nhà cung cấp khác	433.726.975	535.818.588
	1.640.267.122	1.651.418.735

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2018 Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Ông Nguyễn Hoàng Chơn –	7.719.317.785	(7.719.317.785)	7.719.317.785	(7.719.317.785)
Tạm ứng mua hàng				
Tạm ứng khác	1.085.810.680	(1.085.810.680)	1.085.810.680	(1.085.810.680)
Phải thu ngắn hạn khác	798.102.227	(51.635.036)	1.108.621.590	(48.135.036)
	9.603.230.692	(8.856.763.501)	9.913.750.055	(8.853.263.501)

300/
TRÁC
K
AFC
C
1/Rx

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2018	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác								
Ông Nguyễn Hoàng Chơn	Trên 3 năm	7.719.317.785	-	Trên 3 năm	-	7.719.317.785	-	-
Ông Châu Minh Khải	Trên 3 năm	831.909.723	-	Trên 3 năm	-	831.909.723	-	-
Tạm ứng khác	Trên 3 năm	1.085.810.680	-	Trên 3 năm	-	1.085.810.680	-	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	421.761.096	-	Trên 3 năm	-	418.261.096	-	-
		10.058.799.284	-			10.055.299.284	-	-
Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:								
		Nợ phải thu bán hàng VND	Nợ trả trước cho người bán VND		Nợ phải thu khác VND	Cộng VND		
Tại ngày 01/01/2018	(51.757.405)	(1.150.278.378)	(8.853.263.501)	(8.853.263.501)	(10.055.299.284)	(10.055.299.284)		
Trích dự phòng bổ sung trong kỳ	-	-	(3.500.000)	(3.500.000)	(3.500.000)	(3.500.000)		
Tại ngày 30/06/2018	(51.757.405)	(1.150.278.378)	(8.856.763.501)	(8.856.763.501)	(10.058.799.284)	(10.058.799.284)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÉN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	729.334.148	-	437.819.273	-
Công cụ, dụng cụ	1.598.858.452	-	1.315.468.191	-
Thành phẩm	25.471.488.832	-	36.640.958.088	-
	27.799.681.432	-	38.394.245.552	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	99.753.226	100.253.586
Chi phí sửa chữa	78.564.698	49.599.997
Chi phí khác chờ phân bổ	103.417.968	112.406.927
	281.735.892	262.260.510

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.018.676.612	1.154.983.232
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	971.729.570	1.040.322.242
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	700.291.074	991.987.148
Chi phí khác chờ phân bổ	110.303.030	133.939.394
	2.801.000.286	3.321.232.016

15-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHÉ BIÉN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, Phường 8, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Địa chỉ: Số 09 Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 0710 382 2222
Email: minhhai@minhhai.com.vn
Trang web: www.minhhai.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	23.230.847.501	62.293.476.146	5.178.091.655	518.557.652	91.220.972.954
Tăng do XDCCB hoàn thành	677.640.909	-	-	-	677.640.909
Tại ngày 30/06/2018	23.908.488.410	62.293.476.146	5.178.091.655	518.557.652	91.898.613.863
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	21.018.723.509	52.159.534.497	5.178.091.655	458.023.340	78.814.373.001
Khấu hao trong kỳ	408.523.434	1.587.168.182	-	14.320.947	2.010.012.563
Tại ngày 30/06/2018	21.427.246.943	53.746.702.679	5.178.091.655	472.344.287	80.824.385.564
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	2.212.123.992	10.133.941.649	-	60.534.312	12.406.599.953
Tại ngày 30/06/2018	2.481.241.467	8.546.773.467	-	46.213.365	11.074.228.299
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2018	11.907.684.496	32.671.624.096	5.178.091.655	419.884.925	50.177.285.172
Tại ngày 30/06/2018	18.264.142.070	34.070.529.206	5.178.091.655	419.884.925	57.932.647.856
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2018	2.212.123.992	10.133.941.649	-	60.534.312	12.406.599.953
Tại ngày 30/06/2018	2.481.241.467	8.546.773.467	-	46.213.365	11.074.228.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	1.603.074.205	107.115.802	1.710.190.007
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	1.603.074.205	107.115.802	1.710.190.007
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	403.074.205	107.115.802	510.190.007
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	403.074.205	107.115.802	510.190.007
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Tại ngày 30/06/2018	1.200.000.000	-	1.200.000.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	-	107.115.802	107.115.802
Tại ngày 30/06/2018	-	107.115.802	107.115.802

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2018	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Tại ngày 30/06/2018	1.200.000.000	-	1.200.000.000

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thủy Sản Safe and Fresh	22.287.990.831	35.513.083.800
Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	278.510.635	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn	7.546.167.558	7.546.167.558
Các nhà cung cấp khác	6.210.108.496	5.596.982.518
	36.322.777.520	48.656.233.876

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thủy Sản Kiên Giang	5.700.000.000	6.136.747.758
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	428.444.154	1.274.031.504
	6.128.444.154	7.410.779.262



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 Phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/06/2018 Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	243.058.266	-	-	243.058.266
Thuế thu nhập cá nhân	42.561.660	113.770.576	(72.130.664)	84.201.572
Tiền thuê đất	-	27.144.330	(27.144.330)	-
Thuế tài nguyên	-	2.134.458	(2.134.458)	-
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	285.619.926	146.049.364	(104.409.452)	327.259.838

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	204.154.932	275.325.740
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.400.648.633	(8.367.839.363)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm	312.056.044	291.731.484
Phải trả cỗ tức	839.868.600	839.868.600
Phải trả chi phí lãi vay	139.576.286.083	129.818.603.929
Các đối tượng khác	690.829.764	640.829.764
	141.419.040.491	131.591.033.777



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	120.000.000

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>				
Ông Nguyễn Tân Dương	68.000.000	68.000.000	110.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Phú Dũng	52.200.000	52.200.000	84.000.000	84.000.000
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng Agribank	122.336.769.038	122.336.769.038	125.496.441.038	125.496.441.038
Ngân hàng VDB	32.024.000.000	32.024.000.000	32.324.000.000	32.324.000.000
Ngân Hàng BIDV	89.851.354.706	89.851.354.706	90.310.541.266	90.310.541.266
Vay nhân viên Công ty	315.900.000	315.900.000	544.000.000	544.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.191.330.316	6.191.330.316	6.191.330.316	6.191.330.316
	250.839.554.060	250.839.554.060	255.060.312.620	255.060.312.620

Công ty vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Nhập Khẩu Cà Mau và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy Sản Kiên Giang do Công ty nắm giữ đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2018 VND
Vay bên liên quan	194.000.000	-	-	194.000.000
Vay ngân hàng	248.130.982.304	41.396.109.940	(45.314.968.500)	244.212.123.744
Vay nhân viên Công ty	544.000.000	-	(301.900.000)	242.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.191.330.316	-	-	6.191.330.316
	255.060.312.620	41.396.109.940	(45.616.868.500)	250.839.554.060

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01	401.479.903	289.924.103
Thu quỹ trong kỳ	25.000.000	115.000.000
Chi quỹ trong kỳ	-	(23.444.200)
Tại ngày 30 tháng 06	426.479.903	381.479.903

30/06/2018
AF
TR

AF
TR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tai ngày 01/01/2017 Lỗi 6 tháng đầu năm 2017	153.227.230.000 -	97.954.499.200 -	1.502.542.138 -	(2.715.320.000) -	6.912.103.414 -	(393.753.304.929) (9.961.573.711)
Tai ngày 30/06/2017	153.227.230.000	97.954.499.200	1.502.542.138	(2.715.320.000)	6.912.103.414	(403.714.878.640)
Tai ngày 01/07/2017 Lỗi 6 tháng cuối năm 2017	153.227.230.000 -	97.954.499.200 -	1.502.542.138 -	(2.715.320.000) -	6.912.103.414 -	(403.714.878.640) (28.559.047.014)
Tai ngày 31/12/2017	153.227.230.000	97.954.499.200	1.502.542.138	(2.715.320.000)	6.912.103.414	(432.273.925.654)
Tai ngày 01/01/2018 Lỗi 6 tháng đầu năm 2018	153.227.230.000 -	97.954.499.200 -	1.502.542.138 -	(2.715.320.000) -	6.912.103.414 -	(432.273.925.654) (2.604.803.565)
Tai ngày 30/06/2018	153.227.230.000	97.954.499.200	1.502.542.138	(2.715.320.000)	6.912.103.414	(434.878.729.219)
						(177.997.674.467)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Tân Dương	51.996.250.000	33,93%	51.996.250.000	33,93%
Ông Nguyễn Phú Dũng	20.993.170.000	13,70%	20.993.170.000	13,70%
Ông Huỳnh Hải Triều	15.658.500.000	10,22%	15.658.500.000	10,22%
Cổ phiếu quỹ	2.715.320.000	1,77%	2.715.320.000	1,77%
Các cổ đông khác	61.863.990.000	40,38%	61.863.990.000	40,38%
	153.227.230.000	100%	153.227.230.000	100%

5.17.3 Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.322.723	15.322.723
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.322.723	15.322.723
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	15.322.723	15.322.723
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	279.562	279.562
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	279.562	279.562
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.043.161	15.043.161
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	15.043.161	15.043.161

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	30/06/2018	01/01/2018
- Đô la Mỹ (USD)	104.750,66	189.088
- Euro (EUR)	6.856,81	6.857
- Hàn Quốc (KRW)	87.000,00	87.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	164.373.414.750	135.396.448.561
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.357.284.652	5.705.261.585
Doanh thu khác	1.725.000	7.955.454
	170.732.424.402	141.109.665.600

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số 9.2

SƠ ĐỒ
TY
HỮU
ĐÁN
PHÁP
LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.2 Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Giá vốn hàng bán	147.529.165.412	121.750.409.424
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.977.050.950	5.735.141.091
Giá vốn khác	1.725.000	440.000
	153.507.941.362	127.485.990.515

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.700.442	14.205.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá	159.297.964	132.266.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	169.828.211
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.735.011	-
	178.733.417	316.300.102

6.4 Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	9.794.318.120	12.899.177.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá	132.858.000	20.439.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	909.188.656	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng tồn thắt đầu tư	(242.236.890)	50.437.100
	10.594.127.886	12.970.054.880

6.5 Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí kiểm vi sinh	615.831.332	574.315.431
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.678.739.494	887.920.067
Chi phí vận chuyển hàng hóa	2.568.569.326	2.028.555.206
Chi phí bán hàng khác	2.708.444.667	1.231.092.455
	7.571.584.819	4.721.883.159

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.276.832.060	1.387.677.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.341.689	399.958.912
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.015.483.867	1.143.872.056
	2.369.657.616	2.931.508.363

6.7 Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm	485.429.998	703.836.955
Các khoản thu nhập khác	42.430.184	65.082.123
	527.860.182	768.919.078

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.026.035.595	119.900.298.823
Chi phí nhân công	9.006.083.296	8.203.251.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.010.012.563	2.502.117.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.884.947.627	9.076.778.296
Chi phí khác	6.128.104.183	4.359.025.692
	143.055.183.264	144.041.471.256

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.604.803.565)	(9.961.573.711)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.043.161	15.043.161
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(173)	(662)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	41.396.109.940	61.489.227.880

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	46.727.102.940	68.027.973.771

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đều tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	250.839.554.060	-	250.839.554.060
Phải trả người bán	36.322.777.520	-	36.322.777.520
Phải trả khác	141.419.040.491	100.000.000	141.519.040.491
	428.581.372.071	100.000.000	428.681.372.071
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	255.060.312.620	-	255.060.312.620
Phải trả người bán	48.656.233.876	-	48.656.233.876
Phải trả khác	131.591.033.777	120.000.000	131.711.033.777
	435.307.580.273	120.000.000	435.427.580.273

ATM
CẤP
0305

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIỂN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2018 (xem tại thuyết minh 5.9 và 5.10).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	15.157.872.548	11.315.369.293	15.157.872.548	11.315.369.293
Các khoản phải thu khác	746.467.191	1.060.486.554	746.467.191	1.060.486.554
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	97.700.000	97.700.000	97.700.000	97.700.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.915.684.944	4.905.158.926	2.915.684.944	4.905.158.926
	18.917.724.683	17.378.714.773	18.917.724.683	17.378.714.773
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	250.839.554.060	255.060.312.620	250.839.554.060	255.060.312.620
Phải trả người bán	36.322.777.520	48.656.233.876	36.322.777.520	48.656.233.876
Phải trả khác	141.519.040.491	131.711.033.777	141.519.040.491	131.711.033.777
	428.681.372.071	435.427.580.273	428.681.372.071	435.427.580.273

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

AAB
CÔ
CH NH
KIẾN
C V
CHI
'AN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền lương và thưởng	438.936.600	325.503.000

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Thủy sản Safe and Fresh	Bán hàng Mua hàng	19.442.193.800 114.170.570.203	- 110.825.041.589
Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	Bán hàng Mua hàng	- 115.746.940	237.200.000 -

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Thủy sản Safe and Fresh	Phải trả thương mại	22.287.990.831	35.513.083.800
Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	Phải trả thương mại Người mua trả	278.510.635 5.700.000.000	- 6.136.747.758
Ông Nguyễn Tân Dương Ông Nguyễn Phú Dũng	Vay ngắn hạn Vay ngắn hạn	68.000.000 52.200.000	110.000.000 84.000.000
		28.386.701.466	41.843.831.558

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

V5-
GT-
MH-
TO/
BT-
NHÁ-
N TH-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
 Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

06 tháng đầu năm 2018	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	148.856.725.080	21.875.699.322	170.732.424.402
Chi phí phân bổ	(133.839.190.212)	(19.668.751.150)	(153.507.941.362)
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.017.534.868	2.206.948.172	17.224.483.040
Chi phí không phân bổ			(9.941.242.435)
Thu nhập hoạt động tài chính			178.733.417
Chi phí hoạt động tài chính			(10.594.127.886)
Thu nhập khác			527.860.182
Chi phí khác			(509.883)
Lợi nhuận trước thuế			(2.604.803.565)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(2.604.803.565)
 Vào ngày 30/06/2018			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	14.282.009.700	927.620.253	15.209.629.953
Tài sản không phân bổ			243.944.755.378
Tổng tài sản			259.154.385.331
 Nợ phải trả không phân bổ			437.152.059.798
Tổng nợ phải trả			437.152.059.798
 06 tháng đầu năm 2017			
Doanh thu thuần	132.100.868.989	4.968.085.079	137.068.954.068
Chi phí phân bổ	(122.865.241.407)	(4.620.749.108)	(127.485.990.515)
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.235.627.582	347.335.971	9.582.963.553
Chi phí không phân bổ			(7.653.391.522)
Thu nhập hoạt động tài chính			316.300.102
Chi phí hoạt động tài chính			(12.970.054.880)
Thu nhập khác			768.919.078
Chi phí khác			(6.310.042)
Lợi nhuận trước thuế			(9.961.573.711)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(9.961.573.711)
 Vào ngày 30/06/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	28.102.541.045	5.373.286.949	33.475.827.994
Tài sản không phân bổ			241.384.841.614
Tổng tài sản			274.860.669.608
 Nợ phải trả không phân bổ			421.694.493.496
Tổng nợ phải trả			421.694.493.496

JHAN
V
C
AM
IH
1
C
A

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIÊN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI
Số 09 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.4 Thông tin hoạt động liên tục

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 177.997.674.467 VND và Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 385.515.603.052 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TRẦN QUỐC PHONG
Người lập biếu

TRẦN QUỐC PHONG
Kế toán trưởng



NGUYỄN TÂN DƯƠNG
Giám đốc
Cà Mau, ngày 10 tháng 08 năm 2018



CX NG TY C(⠁)
PH—N C H[¶] BI[¶]N
TH[¶] S T[¶]N XU[¶]T[¶]
KH IU MINH HT[¶]

Digitally signed by CX NG TY C(⠁)
PH—N C H[¶] BI[¶]N TH[¶] S T[¶]N XU[¶]T[¶]
KH IU MINH HT[¶]
DN: cn=CX NG TY C(⠁)PH—N C H[¶]
BI[¶]N TH[¶] S T[¶]N XU[¶]T[¶] KH IU MINH
HT[¶] c=VN l=C[¶] Mau
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2018-08-15 10:10+07:00